CÔNG ĐOÀN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CÔNG ĐOÀN TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 60/QĐ-CĐĐHCN *Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh Năm học 2019 – 2020

BAN THƯỜNG VỤ CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-CĐCT ngày 07/6/2017 của Ban Thường vụ Công Đoàn Công Thương Việt Nam về việc công nhận Ban Chấp hành Công đoàn Cơ sở Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM;

Căn cứ vào Qui chế Tài chính của Công đoàn Cơ sở Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM;

Xét đề nghị của Văn phòng Công đoàn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 12 tổ công đoàn đạt danh hiệu Tổ công đoàn vững mạnh và 221 đoàn viên đạt danh hiệu công đoàn viên xuất sắc năm học 2019 - 2020 (phụ lục kèm theo quyết định)

Điều 2. Tiền thưởng thưởng cho Tổ công đoàn xuất sắc là 417,000 đồng/tổ.

Tiền thưởng công đoàn viên xuất sắc là 208.500 đồng/người.

Tổng số tiền thưởng thưởng là: 51,082,500 (Năm mươi mốt triệu, không trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng)

Điều 3. Văn phòng Công đoàn, Ủy viên phụ trách tài chính và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VPCĐ.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

CÔNG ĐOÀN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
BCH CÔNG ĐOÀN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP HỒ CHÍ MINH

Phạm Thanh Tùng

Danh Sách Cá Nhân Công Đoàn Viên Xuất Sắc

(Kèm theo quyết định số: 60 QĐ/CĐĐHCN ngày 09 tháng 12 năm 2020)

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
1	Phan Hồng Hải	Ban Giám hiệu	X	208,500	
2	Lê Văn Tán	Ban Giám hiệu	X	208,500	
3	Đàm Sao Mai	Ban Giám hiệu	X	208,500	
4	Nguyễn Xuân Hồng	Ban Giám hiệu	X	208,500	
5	Nguyễn Đình Hiền	Phòng Tài chính- Kế toán	X	208,500	
6	Phạm Thị Quế Minh	Phòng Tài chính- Kế toán	X	208,500	
7	Đỗ Quốc Huy	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
8	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
9	Nguyễn Thị Phượng	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
10	Nguyễn Thị Thu Hà	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
11	Phạm Thị Oanh	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
12	Lý Thanh Bình	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
13	Bùi Thị Thu Phương	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
14	Nguyễn Tiến Dũng	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
15	Lâm Thanh Danh	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
16	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
17	Hoàng Long Vương	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
18	Nguyễn Đức Nam	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
19	Bùi Anh Phi	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
20	Nguyễn Văn Biên	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
21	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
22	Trần Công Hùng	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
23	Phạm Thị Thu	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
24	Châu Minh Quang	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
25	Nguyễn Quân	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
26	Ngô Thanh Quyền	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
27	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
28	Nguyễn Trung Dũng	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
29	Võ Thị Ánh Tuyết	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
30	Đặng Thanh Tâm	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
31	Phạm Công Duy	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
32	Dương Thanh Long	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
33	Châu Minh Thuyên	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
34	Phùng Văn Thắng	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
35	Lưu Tuấn Kiệt	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
36	Đàm Quốc Tuấn	Khoa Công nghệ Động lực	X	208,500	
37	Nguyễn Xuân Ngọc	Khoa Công nghệ Động lực	X	208,500	
38	Phan Văn Nhựt	Khoa Công nghệ Động lực	X	208,500	
39	Đinh Thị Thu Hà	Khoa Công nghệ Động lực	X	208,500	
40	Võ Tấn Châu	Khoa Công nghệ Động lực	X	208,500	

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
41	Trần Thị Kim Phượng	Khoa Công nghệ Động lực	X	208,500	
42	Phạm Thị Kim Hoàng	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
43	Lê Thị Thu Hương	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
44	Đặng Hữu Định	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
45	Lê Lý Quyên Quyên	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
46	Vũ Thị Hồng Nga	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
47	Trần Qúy Hữu	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
48	Đào Thị Thu Thủy	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
49	Trần Minh Chính	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
50	Đặng Quang Minh	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
51	Phạm Thị Phương Hồng	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
52	Nguyễn Văn Chiến	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
53	Nguyễn Văn An	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
54	Bùi Thị Hải Đăng	Khoa Luật	X	208,500	
55	Đào Thị Nguyệt	Khoa Luật	X	208,500	
56	Hồ Văn Đức	Khoa Lý luận Chính trị	X	208,500	
57	Lê Hồng Quang	Khoa Lý luận Chính trị	X	208,500	
58	Lê Thanh Hòa	Khoa Lý luận Chính trị	X	208,500	
59	Bùi Thị Hảo	Khoa Lý luận Chính trị	X	208,500	
60	Mai Thị Hồng Hà	Khoa Lý luận Chính trị	X	208,500	
61	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Công nghệ May - Thời trang	X	208,500	
62	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Khoa Công nghệ May - Thời trang	X	208,500	
63	Nguyễn Thị Mỹ Chiên	Khoa Công nghệ May - Thời trang	X	208,500	
64	Trần Nguyễn Tú Uyên	Khoa Công nghệ May - Thời trang	X	208,500	
65	Nguyễn Mậu Tùng	Khoa Công nghệ May - Thời trang	X	208,500	
66	Nguyễn Trường Sa	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
67	Đinh Thị Hoa	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
68	Nguyễn Thị Thanh Như	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
69	Trần Thị Xuân Thủy	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
70	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
71	Lê Văn Cần	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
72	Hoàng Thị Hải Đường	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
73	Lê Thị Thành Lập	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
74	Lê Thị Cẩm Tú	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
75	Phạm Nguyễn Trường Thi	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
76	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	X	208,500	
77	Tô Kiều Mi	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	X	208,500	
78	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	X	208,500	
79	Lê Văn Thương	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	X	208,500	
80	Phan Quốc Minh	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	X	208,500	
81	Nguyễn Đức Lộc	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
82	Đặng Minh Thu	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
83	Nguyễn Thị Ngọc Bình	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
84	Ngô Ngọc Minh	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
85	Vũ Thị Mai Chi	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
86	Nguyễn Thu Phương	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
87	Nguyễn Thành Long	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
88	Nguyễn Ngọc Long	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
89	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
90	Phùng Tiến Dũng	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
91	Lương Thị Minh Hương	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
92	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
93	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
94	Đinh Thị Hoài Hương	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
95	Tô Kiều Trinh	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
96	Nguyễn Thị Hương	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
97	Đặng Trung Kiên	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
98	Nguyễn Thị Hương Ly	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
99	Mai Thanh Hùng	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
100	Võ Thị Thu Thủy	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
101	Đoàn Thị Thu Trang	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
102	Thái Duy Tùng	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
103	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
104	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
105	Phan Thi Như Hồng	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
106	Đỗ Hà Vinh	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
107	Bùi Ngọc Toản	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
108	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
109	Nguyễn Thị Kim Nhất	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
110	Lăng Thị Minh Thảo	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
111	Trần Duy Vũ Ngọc Lan	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
112	Nguyễn Thị Như Hương	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
113	Đỗ Thị Thu Thảo	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
114	Võ Thị Thúy Hà	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
115	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
116	Nguyễn Thị Phương Thúy	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
117	Nguyễn Thị Thanh Bình	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
118	Lê Nhật Duy	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
119	Đặng Thị Phúc	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
120	Hồ Đắc Quán	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
121	Phạm thị Thùy Trang	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
122	Nguyễn Ngọc Phượng	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
123	Ngô Hữu Dũng	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
124	Giảng Thanh Trọn	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
125	Nguyễn Hữu Tình	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
126	Võ Ngọc Tấn Phước	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
127	Bùi Văn Hồng Lĩnh	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	X	208,500	
128	Nguyễn Bá Phú	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	X	208,500	
129	Phạm Thị Hồng Phượng	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
130	Trần Thị Hồng	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
131	Lưu Thị Việt Hà	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
132	Nguyễn Văn Trọng	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
133	Văn Thanh Khuê	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
134	Nguyễn Văn Cường	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
135	Nguyễn Minh Tiến	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
136	Đặng Thị Hồng Nhung	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
137	Nguyễn Văn Trọng	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
138	Lê Nhất Thống	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
139	Trương Văn Minh	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
140	Trần Thị Mộng Loan	Phòng Đào tạo	X	208,500	
141	Nguyễn Trung Nhân	Phòng Đào tạo	X	208,500	
142	Kiều Đức Huynh	Phòng Đào tạo	X	208,500	
143	Đỗ Thị Mai Trinh	Phòng Đào tạo	X	208,500	
144	Bùi Ngọc Qúi	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
145	Hoàng Xanh	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
146	Tạ Văn Nhất	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
147	Nguyễn Văn Phương	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
148	Nguyễn Kim Loan	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
149	Nguyễn Thị Lan	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
150	Trần Thị Yến	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
151	Phan Thị Sáu	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
152	Nguyễn Huy Phúc	Phòng KT&BĐ Chất lượng	X	208,500	
153	Đỗ Khoa Thúy Kha	Phòng KT&BĐ Chất lượng	X	208,500	
154	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Phòng KT&BĐ Chất lượng	X	208,500	
155	Huỳnh Ngô Kim Hảo	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	X	208,500	
156	Nguyễn Phương Thy	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	X	208,500	
157	Nguyễn Ngọc Thanh	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
158	Thái Đình Tuấn	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
159	Trịnh Thị Thanh Hồng	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
160	Võ Tuấn Anh	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
161	Trần Văn Mừng	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
162	Thái Đình Hồng	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
163	Phạm Thanh Tùng	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
164	Võ Xuân Ân	Phòng Thanh tra - Pháp chế	X	208,500	
165	Nguyễn Thị Lụa	Phòng Quản lý Khoa học - HTQT&CGCN	X	208,500	
166	Nguyễn Quang Vinh	Phòng Quản lý Khoa học - HTQT&CGCN	X	208,500	

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
167	Nguyễn Diệu Linh	Phòng Quản lý Khoa học - HTQT&CGCN	X	208,500	
168	Trần Thị Hồng Thúy	Phòng Quản lý Khoa học - HTQT&CGCN	X	208,500	
169	Nguyễn Thị Mai Phương	Phòng Quản trị	X	208,500	
170	Nguyễn Văn Hiến	Phòng Quản trị	X	208,500	
171	Lê Văn Toản	Phòng Quản trị	X	208,500	
172	Đinh Hồng Nam	Phòng Quản trị	X	208,500	
173	Lê Ngọc Sơn	Phòng Quản lý Sau đại học	X	208,500	
174	Trần Thị Hoàng Hà	Phòng Quản lý Sau đại học	X	208,500	
175	Huỳnh Nguyễn Tường An	Phòng Quản lý Sau đại học	X	208,500	
176	Nguyễn Thị Bích Thủy	Phòng Công tác Sinh viên	X	208,500	
177	Hoàng Đơ	Phòng Công tác Sinh viên	X	208,500	
178	Nguyễn Thị Thanh Hà	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
179	Phạm Thị Hải	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
180	Nguyễn Thị Hiền	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
181	Trình Thị Hương	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
182	Đào Thị Hải	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
183	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Tổ chức Hành chính	X	208,500	
184	Ông Mỹ Linh	Phòng Tổ chức Hành chính	X	208,500	
185	Đặng Tiểu My	Phòng Tổ chức Hành chính	X	208,500	
186	Bửu Thị Loan	Phòng Tổ chức Hành chính	X	208,500	
187	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Trung tâm Thông tin - Thư viện	X	208,500	
188	Phạm Thị Dung	Trung tâm Thông tin - Thư viện	X	208,500	
189	Đỗ Thị Lan Phương	Trung tâm Thông tin - Thư viện	X	208,500	
190	Mai Thị Tâm	Trung tâm Thông tin - Thư viện	X	208,500	
191	Phan Minh Trí	Trung tâm Thông tin - Thư viện	X	208,500	
192	Nguyễn Nhân Sâm	Trung tâm (R&Dtech)	X	208,500	
193	Nguyễn Minh Cường	Trung tâm (R&Dtech)	X	208,500	
194	Lê Hùng Anh	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
195	Ngô Xuân Huy	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
196	Nguyễn Thị Hằng	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
197	Nguyễn Thị Kiều Diễm	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
198	Lê Thị Thùy Trang	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
199	Bùi Thị Ngọc Phương	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
200	Trần Thị Hiền	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
201	Nguyễn Thị Hồng Vân	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	
202	Nguyễn Đức Vượng	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	
203	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	
204	Nguyễn Bá Thanh	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	
205	Trịnh Ngọc Nam	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	
206	Lâm Khắc Kỷ	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	
207	Đoàn Như Khuê	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	
208	Vũ Thị Hoan	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
209	Phạm Tấn Việt	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	
210	Nguyễn Thị Diệu Hạnh	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	
211	Võ Bảo Trung	TT. Quản trị hệ thống	X	208,500	
212	Nguyễn Thị Hà	CS Thanh Hóa	X	208,500	
213	Lê Thị Ca Sơn	CS Thanh Hóa	X	208,500	
214	Trương Thị Thanh Phương	Khoa KHCB&KTCS	X	208,500	
215	Phạm Việt Hùng	PGĐ Phụ trách - PHQN	X	208,500	
216	Lê Duy Thọ	Phòng Tổng hợp - PHQN	X	208,500	
217	Phạm Văn Vĩnh	Khoa Công nghệ - PHQN	X	208,500	
218	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Khối Đoàn thể	X	208,500	
219	Lê Văn Hoàng	Khối Đoàn thể	X	208,500	
220	Huỳnh Phú Vinh	Khối Đoàn thể	X	208,500	
221	Lâm Huỳnh Đình Nguyên	Khối Đoàn thể	X	208,500	
Tổng				46,078,500	

(Bốn mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm đồng)

Danh Sách Tập Thể Tổ Công Đoàn Vững Mạnh

(Kèm theo quyết định số: 60QĐ/CĐĐHCN ngày 09 tháng 12 năm 2020)

TT	Tổ Công Đoàn	Tiền Thưởng	TTCĐ Ký Nhận
1	Công đoàn Khoa Quản trị Kinh doanh	417,000	
2	Công đoàn Phòng Quản trị	417,000	
3	Công đoàn Phòng Công tác Sinh viên	417,000	
4	Công đoàn Khoa Thương mại Du lịch	417,000	
5	Công đoàn Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	417,000	
6	Công đoàn Phòng Tổ chức - Hành chính	417,000	
7	Công đoàn Khoa May thời trang	417,000	
8	Công đoàn Khoa Công nghệ Hóa học	417,000	
9	Công đoàn Phòng Quản lý Ký túc xá	417,000	
10	Công đoàn Phòng Quản lý Sau đại học	417,000	
11	Công đoàn Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng	417,000	
12	Công đoàn Phòng Tài chính - Kế toán	417,000	
Tổng		5,004,000	

(Năm triệu không trăm lẻ bốn ngàn đồng)